TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 602/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 11 - 2025
V/v tranh chấp về ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Hoàng Nguyên

2. Ông Đinh Hoàng Việt.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Trang – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Cao Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 379/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2025 về "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 733/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 550/2025/QĐHPT-ST ngày 08 tháng 10 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hồ Văn M, sinh năm 1973 (Có đơn xin vắng mặt).
Số CMND: 310891009
Địa chỉ: F N, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Kim T, sinh năm 1976 (Vắng mặt).
Số CMND: 023273280
Thường trú: 5 C, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/8/2025 và lời khai tại Tòa, nguyên đơn ông Hồ Văn M trình bày:

Ông và bà Nguyễn Kim T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 113/1998 tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận A (nay là phường H), Thành phố Hồ Chí Minh ngày 28/7/1998. Trong quá trình

chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, lối sống khác nhau. Vợ chồng không còn quan tâm, chia sẻ với nhau và đã ly thân 10 năm. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên ông M đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Hồ Minh N, sinh ngày 25/5/1999 (Đã thành niên) và Hồ Minh Đ, sinh ngày 03/9/2008. Trẻ Hồ Minh Đ, sinh ngày 03/9/2008, ông M đồng ý giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Hồ Văn M khai không có.

Trong quá trình Toà án giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành triệu tập bà T đến Toà để tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên tòa nhưng bà T đều vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp các tài liệu chứng cứ phản đối, đối với yêu cầu khởi kiện của ông M.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

Bị đơn vắng mặt không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hoà giải và xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Toà án căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Về nội dung: Do bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng như ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đề nghị Toà án căn cứ vào lời khai và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Toà án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Văn M yêu cầu ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn bà Nguyễn Kim T thường trú tại phường H, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn bà T đã được Toà án tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 113/1998 cấp ngày 28/7/1998 tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận A (nay là phường H), Thành phố Hồ Chí Minh, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Hồ Văn M và bà Nguyễn Kim T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của ông M, quá trình chung sống vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn về quan điểm sống, lối sống khác nhau. Vợ chồng không còn quan tâm, chia sẻ với nhau và đã ly thân 10 năm. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn. Do vậy, ông yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông để ông được ổn định cuộc sống.

Xét, bị đơn bà Nguyễn Kim T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để hòa giải nhằm gắn kết mối quan hệ vợ chồng nhưng bà không đến, việc bà không đến Tòa cho thấy bà không còn quan tâm và mong muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với ông M nữa.

Mục đích của việc xác lập hôn nhân là nhằm gắn bó quan hệ giữa người nam và người nữ trong quan hệ vợ chồng, để họ chung sống với nhau và xây dựng gia đình bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững. Xét thấy quan hệ vợ chồng không còn, trách nhiệm giữa đôi bên với nhau không có nên tình trạng vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, từ những phân tích trên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Hồ Minh N, sinh ngày 25/5/1999 (đã thành niên) và trẻ Hồ Minh Đ, sinh ngày 03/9/2008. Ông M trình bày hiện nay trẻ Hồ Minh Đ đang ở cùng với bà T. Nhận thấy, trẻ Đ đang sinh sống cùng với mẹ, mặt khác ông M tự nguyện giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, Hội đồng xét xử xét thấy sự ổn định chỗ ở, học tập để trẻ phát triển toàn diện thể chất và tinh thần là điều cần thiết. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Hồ Văn M khai không có.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Ông M là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nên phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Căn cứ vào Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025;

Căn cứ Điều 1, Điều 5 và Điều 6 của Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Toà án nhân dân;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Hồ Văn M được ly hôn với bà Nguyễn Kim T.

- Về con chung: Giao con chung là trẻ Hồ Minh Đ, sinh ngày 03/9/2008, cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng), ông M chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0011331 ngày 26/8/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Ông M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND KV4, TP. HCM;
- THADS TP. HCM,
- UBND phường Hòa Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự,
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phương Lan